

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2018, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 31/2018/TLST- KDTM ngày 13 tháng 08 năm 2018

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Số 2C P, quận X, thành phố Hồ Chí Minh – Ông Phạm Văn Th là người đại diện theo pháp luật, Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Việt C theo văn bản ủy quyền số 11/GUQ/HC- 2017 ngày 12/10/2017

Bị đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1979; anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1977 (Chết ngày 26/07/2016); cùng trú tại: Cụm Y, thôn N, xã Q, huyện T, thành phố Hà Nội.

Những người ở hàng thừa kế thứ nhất của anh Tiến, kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng về tài sản: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1935 (mẹ anh T); cháu Nguyễn Đình Q, sinh năm 2002, cháu Nguyễn Đình Bách Ch, sinh năm 2006 (là các con anh T); cùng trú tại: Cụm Y, thôn N, xã Q, huyện T, thành phố Hà Nội - Ủy quyền cho chị Đỗ Thị H ngày 24/10/2018

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các bên đương sự xác nhận: Chị Đỗ Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ về tài sản còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 529.958.817 đồng (*Năm trăm hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi tám nghìn tám trăm mười bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 213.042.150 đồng, nợ lãi quá hạn là 16.916.667 đồng. theo Hợp đồng tín dụng số 113/2013/HĐTDTL-CN và Giấy nhận nợ số 113/2013 ngày 02/7/2013 tính đến ngày 24/10/2018.

Các bên thống nhất trả nợ theo lộ trình sau:

- Chậm nhất đến ngày 24/01/2019, chị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ về tài sản có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) trừ vào nợ gốc.

- Chậm nhất đến ngày 24/04/2019, chị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ về tài sản có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương toàn bộ số tiền vay còn lại là 429.958.817 đồng (*Bốn trăm hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi tám nghìn tám trăm mười bảy đồng*) để tất toán khoản vay.

Kể từ ngày 25/10/2018, chị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh T tiếp tục còn phải chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

3/ Trong trường hợp chị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ về tài sản không thực hiện hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng hợp pháp đối với toàn bộ 40 m² đất tại địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện T, Hà Nội, trên thửa đất số: 67(1), tờ bản đồ số: 31, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 607915; số vào sổ cấp GCN: 460/2012/HĐTP/CH01078 do UBND huyện T – thành phố Hà Nội cấp ngày 08/5/2012 cho ông Nguyễn Đình T và bà Đỗ Thị H; Hợp đồng thế chấp số công chứng 3668 13 quyền số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 01/7/2013 tại phòng công chứng số X thành phố Hà Nội để thu hồi nợ.

4/ Về án phí: Chị Đỗ Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ về tài sản phải chịu 12.599.176 đồng (*Mười hai triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, một trăm bảy mươi sáu đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 13.317.000 đồng do Ngân hàng đã nộp theo Biên lai số 0008121 ngày 07/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh trì.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Đỗ Văn Nghiêm